

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày... 09 tháng 05 năm 2011...

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**

MỤC LỤC	Trang
01. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
02. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
03. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
04. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
05. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
06. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010.

### 1. Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2010 bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Lê Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Huỳnh Thị Mộng Kiều	Thành viên
Ông Ngô Quang Danh	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Trong năm 2010, không có sự thay đổi nào đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

### 2. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2010 bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Lê Thị Xuân Mai	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Thoa	Ủy viên
Bà Mai Thị Hồng Cúc	Ủy viên
Ông Trần Thành Trung	Ủy viên

Tháng 04/2010, Ông Trần Thành Trung thôi giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát. Công ty đã tiến hành bầu bổ sung Bà Mai Thị Hồng Cúc theo biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 21/04/2010.

### 3. Thành viên của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2010 bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Võ Thành Hữu	Giám đốc
Ông Phạm Đức Hòa	Phó Giám Đốc
Ông Văn Phú Vĩnh	Phó Giám Đốc

Bà Lê Thị Xuân Mai được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám Đốc Công ty theo biên bản họp Hội Đồng Quản trị ngày 04/01/2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà đặt tại Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành Phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

## 5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400696545, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/05/2009 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27/07/2010 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tỉnh Đồng Tháp cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

- Kinh doanh nhà hàng – khách sạn;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch khác (Khu vui chơi giải trí);
- Dịch vụ massage;
- Đại lý vé máy bay;
- Vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt, gas, phân bón.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các ngành nghề nêu trên.

## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 20.

### *Các kết quả tài chính*

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.763.248.132 VND
- Lợi nhuận khác	282.468.235 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.045.716.367 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm 2010	524.229.092 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.521.487.275 VND</b>

*Các ưu đãi về thuế TNDN: Không có*

## 7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

## 8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

## 9. Kiểm toán

Chi Nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 10. Ý kiến của Hội Đồng Quản Trị

Vào ngày lập bản báo cáo này, Hội Đồng Quản Trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2011

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Chi Hồng







## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về báo cáo tài chính năm 2010 của  
Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà*

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG NHƠN**

*Chứng chỉ KTV số 0325/KTV*

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**ĐẶNG THỊ THIÊN NGÀ**

*Chứng chỉ KTV số 0462/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5,688,625,864</b>	<b>7,868,373,094</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<i>III.1</i>	<b>3,225,034,495</b>	<b>3,448,192,094</b>
1. Tiền	111		1,225,034,495	1,448,192,094
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	2,000,000,000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	<i>III.2</i>	<b>1,576,884,274</b>	<b>3,846,987,625</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1,355,227,774	1,196,331,125
2. Trả trước cho người bán	132		244,000,000	2,673,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(22,343,500)	(22,343,500)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<i>III.3</i>	<b>750,286,995</b>	<b>479,216,875</b>
1. Hàng tồn kho	141		750,286,995	479,216,875
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>136,420,100</b>	<b>93,976,500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		136,420,100	93,976,500
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49,518,278,489</b>	<b>47,393,927,805</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>53,425,766</b>	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		927,621,115	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		(874,195,349)	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>48,324,714,954</b>	<b>45,989,192,844</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>III.4</i>	14,654,469,954	12,228,978,299
- Nguyên giá	222		16,353,448,112	12,999,652,604
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,698,978,158)	(770,674,305)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>III.4</i>	33,670,245,000	33,670,245,000
- Nguyên giá	228		33,670,245,000	33,670,245,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	89,969,545
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	<i>III.5</i>	<b>1,140,137,769</b>	<b>1,404,734,961</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,140,137,769	1,404,734,961
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>55,206,904,353</b>	<b>55,262,300,899</b>

Bản thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số: B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,283,249,582</b>	<b>1,593,303,592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,283,249,582</b>	<b>1,593,303,592</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	III.6	773,699,727	580,347,000
3. Người mua trả tiền trước	313	III.6	11,770,000	944,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.7	381,793,302	423,559,605
5. Phải trả người lao động	315		140,311,147	589,952,987
6. Chi phí phải trả	316		5,454,545	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		9,537,450	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(39,316,589)	(1,500,000)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53,923,654,771</b>	<b>53,668,997,307</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	III.8	<b>53,923,654,771</b>	<b>53,668,997,307</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52,000,000,000	52,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(110,000,000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		250,349,596	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		83,449,865	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,699,855,310	1,668,997,307
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>55,206,904,353</b>	<b>55,262,300,899</b>

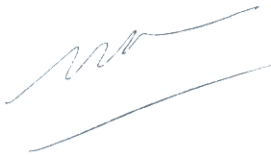
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số: B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÝ KIM PHỤNG

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2011



GIÁM ĐỐC

VŨ THÀNH HỮU

596  
10  
PH  
CH  
17  
TH

AA57A  
CHI H  
COP  
LON W  
KIE  
SA

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số : B 02 - DN

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiết	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42,369,654,514	25,570,732,975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		53,222,518	29,682,169
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	IV.1	42,316,431,996	25,541,050,806
4. Giá vốn hàng bán	11	IV.1	38,227,284,538	21,567,136,281
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		4,089,147,458	3,973,914,525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.2	242,366,055	216,007,541
7. Chi phí tài chính	22		5,000,000	2,625,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,000,000	2,625,000
8. Chi phí bán hàng	24	IV.3	1,310,888,866	979,983,808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	IV.4	1,252,376,515	1,380,527,317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,763,248,132	1,826,785,941
11. Thu nhập khác	31	IV.5	367,764,286	318,887,000
12. Chi phí khác	32	IV.6	85,296,051	116,197,417
13. Lợi nhuận khác	40		282,468,235	202,689,583
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,045,716,367	2,029,475,524
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	IV.7	524,229,092	360,478,217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	IV.7	1,521,487,275	1,668,997,307
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		293	321

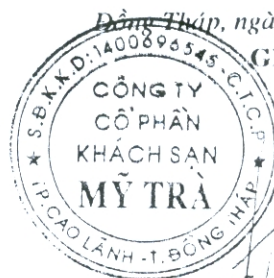
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đang Thập, ngày 25 tháng 03 năm 2011

GIÁM ĐỐC





LÝ KIM PHỤNG

VÕ THÀNH HỮU



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số : B 03 - DN

Năm 2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	46,814,732,591	27,413,918,125
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31,081,301,204)	(16,119,558,400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2,566,029,498)	(1,373,220,124)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5,000,000)	(2,625,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(426,709,140)	(166,066,047)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,093,331,500	1,136,084,281
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12,661,629,894)	(11,626,914,440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1,167,394,355</b>	<b>(738,381,605)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(132,918,009)	(492,529,075)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	242,366,055	254,617,715
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>109,448,046</b>	<b>(237,911,360)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4,924,485,059
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,500,000,000)	(500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1,500,000,000)</b>	<b>4,424,485,059</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(223,157,599)</b>	<b>3,448,192,094</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3,448,192,094</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3,225,034,495</b>	<b>3,448,192,094</b>

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÝ KIM PHỤNG

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2011

GIÁM ĐỐC



VÕ THÀNH HỮU

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 1400696545 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/05/2009 và lần 2 ngày 28/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 52.000.000.000 VND bao gồm 5.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND và được phân chia theo tỷ lệ sau:

Cổ đông	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp	4.293.200	42.932.000.000	82,56%
- Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	70.000	700.000.000	1,35%
- Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	50.000	500.000.000	0,96%
- Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	30.000	300.000.000	0,58%
- Công ty CP Cơ Khí Đồng Tháp	20.000	200.000.000	0,38%
- Huỳnh Mộng Kiều	483.300	4.383.000.000	8,43%
- Các cổ đông khác	298.500	2.985.000.000	5,74%
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2010 là 52.000.000.000 VND và theo đúng tỷ lệ nêu trên.

#### **2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở của Công ty đặt tại Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh nhà hàng – khách sạn;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch khác (Khu vui chơi giải trí);
- Dịch vụ massage;
- Đại lý vé máy bay;
- Vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt, gas, phân bón.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các ngành nghề nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

4. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:* không có

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm 2010 được bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 31/12/2010.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

**4. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**5. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ**

**6. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT – BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính. Cuối năm tài chính 2010, Công ty không có số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ cần được đánh giá.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ tài chính 2010, không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí thực tế như: Chi phí công cụ dụng cụ ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương**

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo tỷ lệ 18% lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm quỹ lương theo công văn số 02/TMDK ngày 06/04/2010 của Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền vay và lãi suất vay phải trả.

**13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng Cân Đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Trong năm 2010, Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để mua lại cổ phiếu quỹ với giá trị 110.000.000 VND tương đương 10.000 cổ phiếu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

**15. Thuế**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại công ty là 25%;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2010, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**16. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán.

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<i>Khoản mục</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền mặt	30.005.220	234.129.939
Tiền gửi ngân hàng	1.195.029.275 (a)	1.214.062.155
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000 (b)	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.225.034.495</b>	<b>3.448.192.094</b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2010 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số tiền</i>
- Ngân hàng Quốc tế VIB – CN Đồng Tháp	101.731.174
- Ngân hàng Phương Nam – CN Đồng Tháp	331.431.194
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam, CN Đồng Tháp	759.496.646
- Ngân hàng đầu tư & PT VN – Chi Nhánh Đồng Tháp	2.370.261
<b>Cộng</b>	<b>1.195.029.275</b>

(b) Các khoản tương đương tiền:

Đây là số dư tiền gửi kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng Đầu Tư & PT Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Tháp

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

<i>Khoản mục</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải thu khách hàng	1.355.227.774 (a)	1.196.331.125
Trả trước cho người bán	244.000.000 (b)	2.673.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(22.343.500)	(22.343.500)
<b>Cộng</b>	<b>1.576.884.274</b>	<b>3.846.987.625</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2010 như sau:

	Số tiền	Nợ khó đòi
- Khách hàng nợ tiền xăng dầu tại Cây Xăng Mỹ Trà 2	869.994.349	-
- Khách hàng nợ tiền xăng dầu tại Cây Xăng Mỹ An	4.201.000	-
- Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp	35.430.625	-
- Trường Trung Học Y Tế Đồng Tháp	32.815.000	-
- CLB Bóng Đá Đồng Tháp	155.294.000	-
- Sở LĐ – TB Xã Hội Đồng Tháp	38.076.500	-
- Đảng Ủy Khối DN Đồng Tháp	17.740.000	-
- Thanh Tra Tỉnh Đồng Tháp	10.893.000	-
- BTC Tỉnh Ủy	14.915.000	-
- Công ty TNHH Trí Việt	28.000.000	-
- Sở VH Thể Thao Du Lịch	24.688.000	-
- Nguyễn Văn Hùng	29.154.000	-
- Các khách hàng khác	94.076.300	21.826.000
<b>Cộng</b>	<b>1.355.227.774</b>	<b>21.826.000</b>

(b) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2010 như sau:

	Số tiền	Nợ khó đòi
- Công ty Cổ phần Cơ Khí XD theo HĐ XD	244.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>244.000.000</b>	-

**3. Hàng tồn kho**

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	74.954.909 (c)	95.474.907
Hàng hóa tồn kho	675.332.086 (d)	383.741.968
<b>Cộng</b>	<b>750.286.995</b>	<b>479.216.875</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(c) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2010: chủ yếu là thực phẩm chế biến tại nhà hàng.

(d) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2010 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Xăng dầu	643.383.207
- Hàng hóa tồn kho tại nhà hàng	31.948.879
<b>Cộng</b>	<b>675.332.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4. Tình hình tăng giảm TSCD**

**4.1 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>	<b>12.999.652.604</b>	<b>3.367.795.508</b>	<b>14.000.000</b>	<b>16.353.448.112</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.754.802.604	3.268.224.999	-	16.023.027.603
- Máy móc, thiết bị	204.000.000	40.497.600	14.000.000	244.339.600
- Phương tiện vận tải		59.090.909		59.090.909
- Dụng cụ quản lý	40.850.000		-	40.850.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>770.674.305</b>	<b>931.290.520</b>	<b>2.986.667</b>	<b>1.698.978.158</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	746.251.389	900.163.406	-	1.646.414.795
- Máy móc, thiết bị	19.316.666	24.543.592	2.986.667	40.873.591
- Phương tiện vận tải		1.477.272	-	1.477.272
- Dụng cụ quản lý	5.106.250	5.106.250	-	10.212.500
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>12.228.978.299</b>	-	-	<b>14.654.469.954</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.008.551.215	-	-	14.376.612.808
- Máy móc, thiết bị	184.683.334	-	-	203.466.009
- Phương tiện vận tải	-	-	-	57.613.637
- Dụng cụ quản lý	35.743.750	-	-	30.637.500

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2010 như sau:

Tên tài sản	Số tiền
- Hội trường 150 chỗ	1.981.532.272
- Tum ngói sân vườn	744.451.818
- Khu karaoke	492.910.909
- Máy tính tiền	24.497.100
- Cổng phụ sân vườn	22.654.651
- Nhà che phòng lạnh bếp	26.675.349
- Xe 15 chỗ	59.090.909
- Máy phát điện	15.892.500
<b>Cộng</b>	<b>3.367.795.508</b>

**4.2 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>33.670.245.000</b>	-	-	<b>33.670.245.000</b>
- Quyền sử dụng đất	33.670.245.000	-	-	33.670.245.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>33.670.245.000</b>			<b>33.670.245.000</b>
- Quyền sử dụng đất	33.670.245.000			33.670.245.000

Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Tài sản dài hạn khác**

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	1.140.137.769	1.404.734.961
<b>Cộng</b>	<b>1.140.137.769</b>	<b>1.404.734.961</b>

**6. Phải trả người bán**

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	773.699.727 (e)	580.347.000
Người mua trả tiền trước	11.770.000	944.000
<b>Cộng</b>	<b>785.469.727</b>	<b>581.291.000</b>

(e) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2010 như sau:

Người bán	Số tiền
- Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	657.454.000
- Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp	100.000.000
- Lê Thị Khuyên	1.296.000
- Bưu Điện Đồng Tháp	2.677.000
- Công Ty Kiểm Toán Sao Việt	12.272.727
<b>Cộng</b>	<b>773.699.727</b>

**7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	83.987.054	221.713.100
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.874.126	7.434.335
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	291.932.122	194.412.170
<b>Cộng</b>	<b>381.793.302</b>	<b>423.559.605</b>

**8. Vốn chủ sở hữu**

(a). Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay :

Khoản mục	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.000.000.000	-	-	52.000.000.000
- Cổ phiếu quỹ	-	(110.000.000)	-	(110.000.000)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	250.349.596	-	250.349.596
- Quỹ dự phòng tài chính	-	83.449.865	-	83.449.865
- Lợi nhuận ST chưa phân phối	1.668.997.307	1.530.083.637	1.490.629.272	1.699.855.310
<b>Cộng</b>	<b>53.668.997.307</b>	<b>1.749.377.645</b>	<b>1.490.629.272</b>	<b>53.923.654.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Khoản mục	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	42.932.000.000	42.932.000.000
- Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	700.000.000	700.000.000
- Công ty CP Thương mại Dầu khí Cửu Long	500.000.000	500.000.000
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Cơ Khí Xây dựng Đồng Tháp	200.000.000	200.000.000
- Huỳnh Mộng Kiều	4.383.000.000	4.383.000.000
- Các cổ đông khác	2.875.000.000	2.985.000.000
- Cổ phiếu quỹ	110.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>52.000.000.000</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 10.000

(c). Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.040.000.000	-

(d). Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không có.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(e). Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.200.000	5.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.200.000	5.200.000
▪ Cổ phiếu thường	5.200.000	5.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.000	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	10.000	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.190.000	5.200.000
▪ Cổ phiếu thường	5.190.000	5.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

(f). Các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ Đầu tư phát triển : 250.349.596 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính : 83.449.865 đồng
- Quỹ phúc lợi : (39.316.589) đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1 Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu bán thành phẩm	28.579.686.627	27.667.093.599	912.593.028	3,19%
- Doanh thu nhà hàng	10.930.738.345	7.759.703.615	3.171.034.730	29,01%
- Doanh thu khách sạn	2.121.459.540	2.251.106.749	(129.747.209)	(6,12)%
- Doanh thu DV lữ hành	507.139.091	398.478.607	108.660.484	21,43%
- Doanh thu massage + Karaoke	177.408.393	150.801.968	26.606.425	15%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>42.316.431.996</b>	<b>38.227.284.538</b>	<b>4.089.147.458</b>	<b>10%</b>

**2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu lãi tiền gửi	23.616.455	20.159.152
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	218.749.600	195.848.389
<b>Cộng</b>	<b>242.366.055</b>	<b>216.007.541</b>

**3 Chi phí bán hàng**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.005.307.276	788.044.839
- Chi phí vật liệu, bao bì		7.164.857
- Chi phí công cụ, dụng cụ	11.890.000	8.176.909
- Chi phí khuyến mãi	3.774.298	12.723.745
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.884.000	1.791.997
- Chi phí bằng tiền khác	280.033.292	162.081.461
<b>Cộng</b>	<b>1.310.888.866</b>	<b>979.983.808</b>

**4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	873.853.318	1.072.938.469
- Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	17.103.368	4.564.192
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	22.689.227
- Thuế, phí và lệ phí	-	22.343.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.786.896	59.166.113
- Chi phí bằng tiền khác	207.632.933	198.825.816
<b>Cộng</b>	<b>1.252.376.515</b>	<b>1.380.527.317</b>

**5 Thu nhập khác**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chăm sóc cây kiểng	245.714.286	245.760.000
- Hoa hồng liên kết du lịch	120.000.000	70.000.000
- Thanh lý công cụ, dụng cụ	2.050.000	3.127.000
<b>Cộng</b>	<b>367.764.286</b>	<b>318.887.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6 Chi phí khác**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại công cụ, dụng cụ thanh lý	2.126.667	13.775.417
- Chi phí chăm sóc cây kiểng	83.169.384	102.422.000
<b>Cộng</b>	<b>85.296.051</b>	<b>116.197.417</b>

**7 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.045.716.367
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	51.200.000
- Thù lao HD quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	51.200.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	2.096.916.367
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành năm 2010	524.229.092
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.521.487.275

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

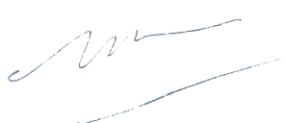
1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, các khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm tài chính năm tài chính này nhưng không phải điều chỉnh theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành: Không có
- Thông tin về các bên liên quan :  
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp có vốn đầu tư bằng 82,56% vốn điều lệ của Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà nên trở thành công ty mẹ của Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà.
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có
- Những thông tin về hoạt động liên tục: không có
- Thay đổi chính sách kế toán: Không có
- Các thông tin khác: Không có

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.

NGƯỜI LẬP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÝ KIM PHỤNG



CHẤM ĐÓC

VÕ THÀNH HỮU